

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2014**

Báo cáo thường niên này được cung cấp tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM
VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: 15 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (84-0511) 3822832 - Fax: (84-0511) 3834984

Đà Nẵng, tháng 4/2015

I/ THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
 - 4.1. Mô hình quản trị
 - 4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý
 - 4.3. Các công ty con, công ty liên kết
5. Định hướng phát triển
 - 5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2015 - 2017
 - 5.2. Chiến lược phát triển trung hạn

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - 1.1. Những thay đổi chính trong năm
 - 1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 so với kế hoạch
2. Tổ chức và nhân sự
 - 2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành
 - 2.2. Thay đổi BĐH trong năm
 - 2.3. Nguồn nhân lực
3. Tình hình tài chính
 - 3.1. Tình hình tài chính
 - 3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
4. Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông
 - 4.1. Cổ phần đang lưu hành
 - 4.2. Cơ cấu cổ đông
 - 4.3. Thay đổi sở hữu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn trong năm.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Mục tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2014.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

* Về hiệu quả hoạt động của Công ty và Ban điều hành

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
 - 1.1. Vai trò và hoạt động của HĐQT
 - 1.2. Việc tổ chức thực hiện theo ủy quyền các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT
 - 1.3. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý
2. Ban Kiểm soát
 - 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát
 - 2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát
- 3.Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG NĂM 2014

I/ THÔNG TIN CHUNG :

1. Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số : 3203001458, ngày 01/06/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp.
- Vốn điều lệ : 99.000.000.000đồng
- Địa chỉ : 15 Lê Hồng Phong - Thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại : (84-0511) 3822 832 – 3562 509
- Số Fax : (84-0511) 3822 338 – 3834 984
- Website : <http://www.coxiva.com.vn>
- Mã cổ phiếu : DXV

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty CP VICEM VLXD Đà Nẵng tiền thân là Công ty Vật tư xây dựng số 2. Được thành lập theo quyết định số : 503/BXD-TCCB, ngày 28/10/1975 của Bộ Xây dựng.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/06/2007 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số : 3203001458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 01/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 12/6/2008 , đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 18/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 14 tháng 10 năm 2011 , đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 09 tháng 11 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 06 tháng 02 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 06 tháng 6 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 05 tháng 5 năm 2014.

Ngày 24/01/2008 Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số: 16/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng Vật liệu Xây dựng Xây lắp Đà Nẵng trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: DXV, Số lượng cổ phiếu niêm yết là: 9.900.000 cổ phiếu với tổng giá trị là 99.000.000.000 đồng (Mệnh giá: 10.000.đồng/ 1 cổ phiếu).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

Hoạt động của công ty hiện nay chủ yếu là kinh doanh xi măng, sản xuất và kinh doanh các loại VLXD như gạch nung tuynen, sản xuất vỏ bao xi măng , bao bì các loại.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu xi măng tại địa bàn Công ty kinh doanh từ Đà Nẵng trở vào đến các tỉnh Tây Nguyên, với kinh nghiệm hàng chục năm kinh doanh xi măng và các loại VLXD, hiện nay Công ty đang kinh doanh xi măng và các loại VLXD như gạch nung tuynen, các loại bao bì có hiệu quả.

Xí nghiệp sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng được đầu trang thiết bị hiện đại của Áo, công suất 25 triệu vỏ bao/năm, Xí nghiệp gạch An Hoà với lò nung gạch tuynen công suất 30 triệu viên quy tiêu chuẩn / năm, Nhà máy gạch Lai Nghi với công suất 15 triệu viên quy tiêu chuẩn / năm.

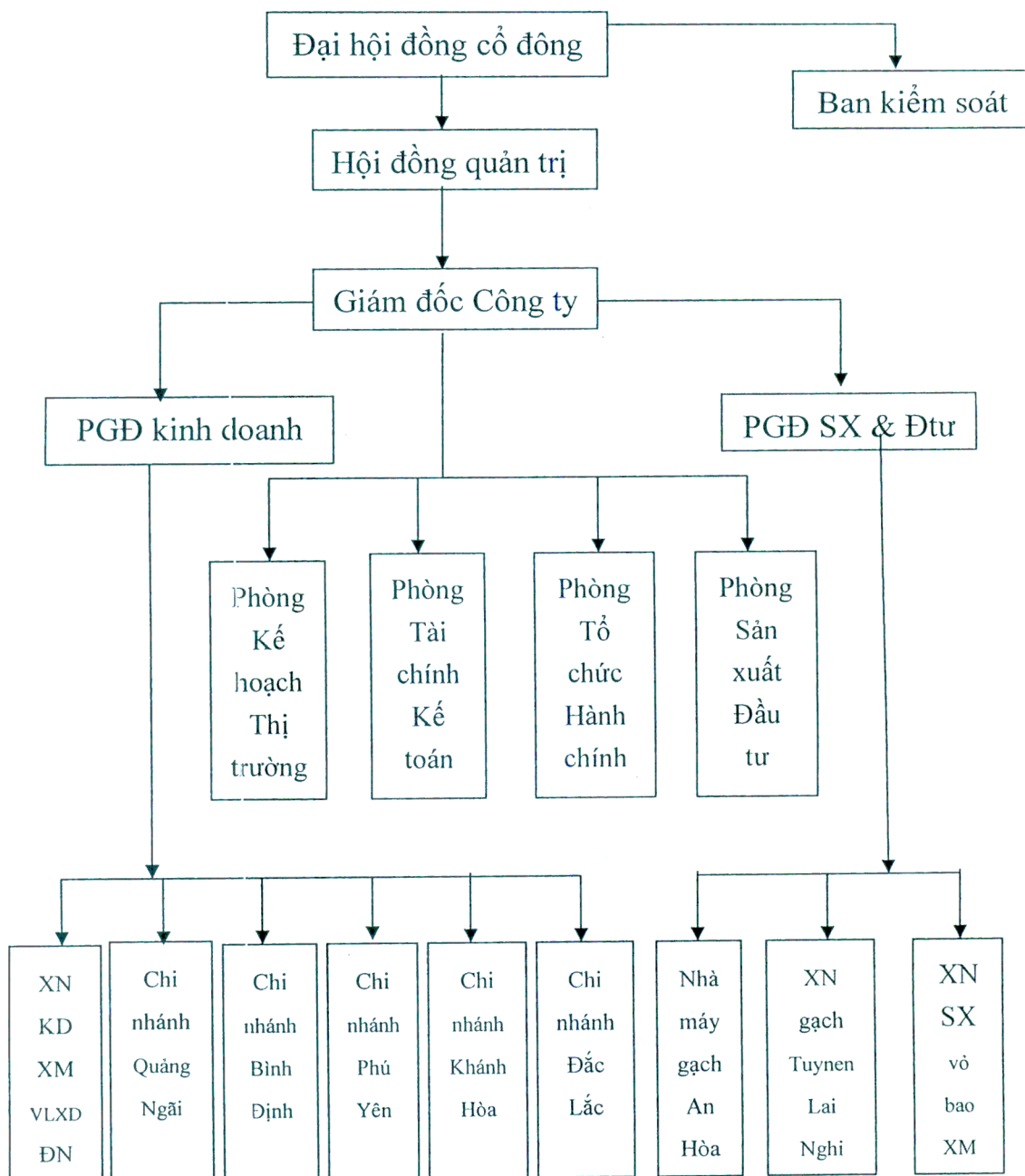
Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện nay là :

- Kinh doanh xi măng, sản xuất và kinh doanh các loại VLXD khác ;
- Sản xuất vỏ bao xi măng, bao bì các loại ;

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng ;
 - Đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà và văn phòng ;
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:

MÔ HÌNH CƠ CẤU TỔ CHỨC SXKD
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

DXV có trụ sở chính tại thành phố Đà Nẵng với mạng lưới chi nhánh phủ rộng khắp các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên bao gồm: Chi nhánh, Trạm của Công ty tại các tỉnh, thành phố : Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai - Kontum, Đắk Lắk.

4.3. Các công ty có liên quan và công ty con: Hiện công ty có các đơn vị trực thuộc gồm:

- Nhà máy Gạch An Hòa;
- Xí nghiệp Gạch Tuynen Lai Nghi;
- Xí nghiệp Sản xuất Vỏ bao xi măng Đà Nẵng;
- Xí nghiệp Kinh doanh xi măng VLXD Đà Nẵng

5. Định hướng phát triển :**5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2015 - 2017:**

* **Định hướng sản phẩm kinh doanh trong thời gian đến:** Công ty tập trung vào một số hoạt động chính như sau:

- Kinh doanh xi măng VICEM như: Hoàng thạch, Bim sơn, Hải vân,...
- Sản xuất & kinh doanh VLXD (gạch tuynen, vỏ bao xi măng, bao bì các loại..)
- Kinh doanh bất động sản (kinh doanh kho bãi, nhà xưởng, văn phòng,...)

5.2. Chiến lược phát triển trung hạn :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017
1	Kinh doanh xi măng	Tấn	400.000	420.000	450.000
2	Sản xuất VLXD				
	- Gạch xây các loại	1000v QTC	38.000	40.000	43.000
	- Vỏ bao xi măng	1000 vò	29.000	34.000	38.000
3	Kinh doanh khác (thuê kho bãi)	Triệu đồng	2.050	2.200	2.500
4	Doanh thu	Triệu đồng	739.263	775.500	815.000

Để đạt được các chỉ tiêu chiến lược đề ra, Công ty cần tập trung như sau:

+ Kinh doanh xi măng:

- Củng cố hệ thống nhà phân phối, mở rộng địa bàn mới, tăng cường quyền lợi cho khách hàng.
- Đẩy mạnh tiêu thụ các thương hiệu mạnh VICEM trên thị trường theo định hướng của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.
- Khai thác nguồn xi măng tại chỗ và các nguồn có phương tiện vận tải thuận lợi.
- Duy trì cơ chế phối hợp thị trường theo quy định của Tổng Công ty.
- Đề nghị các nhà sản xuất có chính sách bán hàng linh hoạt theo thị trường.

+ Sản xuất VLXD:

- Nhà máy Gạch An Hòa, Xí nghiệp gạch Tuynen Lai Nghi : tiếp tục củng cố hệ lò nung, sấy ...
- Ổn định nguồn lao động trong dây chuyền công nghệ để đảm bảo sản lượng, tăng cường nguồn lao động cho công tác thị trường và bán hàng.
- Ổn định nguồn đất sét nung cho quá trình sản xuất.
- Hệ thống kênh phân phối: củng cố và duy trì mở rộng địa bàn .
- Đầu tư dây chuyền sản xuất vỏ bao PP dán đáy công suất 25triệu cái/năm.

+ Liên doanh liên kết đầu tư bất động sản:

- Tiếp tục khai thác cơ sở vật chất hiện có của Công ty để cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc.

+ Kế hoạch lao động và đào tạo:

- Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, luân chuyển cán bộ kết hợp với đào tạo và đào tạo lại để củng cố nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Củng cố năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của công ty đến các đơn vị về các kỹ năng quản lý tài chính, sản xuất, kinh doanh, thị trường, nhân sự, công tác đầu tư,...
- Bố trí hợp lý nhân sự tại các phòng ban, đơn vị, chi nhánh theo hướng người có kinh nghiệm về chuyên môn và những người mới, nhằm bổ sung kiến thức mới cho người có kinh nghiệm và chia sẻ kinh nghiệm cho những người mới tiếp nhận công việc.
- Tuyển dụng một số vị trí mới đảm bảo tính kế thừa cho đội ngũ lớn tuổi nghỉ hưu và phù hợp với nhu cầu lao động của Công ty. Tập trung tuyển dụng nhân sự cho nhà máy sản xuất nhất là đội ngũ kỹ sư, cử nhân và công nhân đưa đi đào tạo.
- Tăng cường công tác đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo và đào tạo mang tính chuyên nghiệp, nhất là đào tạo nghiệp vụ chuyên môn, tập trung đào tạo chuyên sâu cho cán bộ thị trường về sản phẩm xi măng và sản xuất; đào tạo quản lý cho cán bộ trung và cao cấp. Tiếp tục đào tạo, quy hoạch bồi dưỡng phát triển lực lượng trẻ, bổ sung cho cán bộ quản lý của Công ty.
- Sử dụng tiền lương là đòn bẩy kinh tế, trả lương đúng với chất xám và sức lao động đóng góp của từng người lao động để ổn định tâm lý người lao động, mỗi người đều yên tâm công tác, cống hiến hết mình cho công ty, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm.

+ Kế hoạch về tài chính:

- Sử dụng nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển, khấu hao,.. của công ty hiện có.
- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ chi tiêu, thực hiện tiết kiệm các chi phí trực tiếp sản xuất, chi phí lưu thông, chi phí quản lý trên cơ sở những định mức và dự trù được duyệt.

+ Các công cụ hỗ trợ khác:

- Tiếp tục triển khai các phần mềm công nghệ thông tin báo cáo theo chiến lược chung của Vicem.
- Công tác môi trường: Tạo ra môi trường lao động tốt, vệ sinh môi trường, trồng cây xanh nhằm tạo môi trường sản xuất xanh, sạch, đẹp và tăng cường công tác quản lý môi trường.
- Xây dựng văn hóa Công ty.
- Tận tâm phục vụ khách hàng, tôn trọng quyền lợi của khách hàng thông qua việc hoàn thiện hệ thống tiêu thụ và các dịch vụ hỗ trợ.
- Đảm bảo hài hòa các lợi ích: người lao động và cổ đông, tôn trọng và tạo điều kiện cho người lao động phát huy khả năng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:****1.1. Những thay đổi chính trong năm:**

- Đã hoàn thành được các chỉ tiêu cơ bản do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra theo mục tiêu kế hoạch năm 2014.
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì hoạt động ổn định đúng theo định hướng phát triển.
- Đảm bảo tình hình tài chính của Công ty lành mạnh; có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Khởi động tiến trình cải cách, tái cấu trúc, thay đổi phương thức kinh doanh, phương thức điều hành trong toàn hệ thống.
- Thay đổi phương thức Marketing và xác định mức độ đầu tư thỏa đáng cho marketing và kênh phân phối để đóng vai trò quyết định trong việc tạo ra lợi thế cạnh tranh của DXV.
- Từng bước cơ cấu, chấn chỉnh lại hệ thống kênh phân phối.
- Góp phần bình ổn thị trường xã hội, duy trì được việc làm và thu nhập ổn định cho gần 400 lao động, đồng thời hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 so với kế hoạch:

tt	Mục tiêu chủ yếu	ĐVT	Mục tiêu 2014	Thực hiện 2014	Thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	Ti đồng	673,291	690,723	103
2	Sản lượng				
	- Xi măng	Tấn	370.000	375.659	102
	- Gạch nung (QTC)	Tr. Viên	37,00	37,551	101
	- Vò bao xi măng	Tr. Cái	29,00	29,196	101

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

2.1.1 Hội đồng quản trị : Gồm 05 thành viên.

1) Bà: Trần Thị Minh Anh - Chủ tịch HĐQT - Sinh năm: 1962

- Quê quán: Xã Phổ Khánh, Huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Ngoại Thương
- Quá trình công tác:
 - + Tháng 3/1985 - 8/1988: Liên đoàn địa chất - Tổng Cục Địa chất.
 - + Tháng 10/1988 - 3/1990: Trung Tâm Thông tin tư liệu - Tổng Cục Địa chất.
 - + Tháng 3/1990 - 9/1998: Công ty XNK Xi măng - Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.
 - + Tháng 10/1998 - 8/2001: Phó trưởng phòng XNK Thiết Bị - Công ty XNK Xi măng
 - + Tháng 9/2001- 1/2010: Phó Giám đốc Công ty XNK Xi măng - Tổng Công ty XNK Xi măng
 - + Tháng 2/2010- đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CN Xi măng Việt nam
- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty CP VicemVLXD Đà Nẵng.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP đá xây dựng Hoà Phát

2) Ông: Nguyễn Duy Diễn – TV HĐQT - Sinh năm: 1961

- Quê quán: Đức Hiệp, Mộ Đức, Quảng Ngãi
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế
- Quá trình công tác:

- + Từ 1983 - 1985: Công tác tại Công ty cung ứng vật tư số 2
- + Từ 1985 - 1995: Công tác tại phòng kế hoạch thị trường - Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
- + Từ 1995 - 1998: Công tác tại Nhà máy gạch An Hoà thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
- + Từ 1999 - đến nay: Công tác tại phòng Kế hoạch thị trường, phó giám đốc, Giám đốc Công ty (nay là Công ty cổ phần).
- Chức vụ hiện tại: UVHĐQT – Giám đốc Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

3) Ông: Hồ Ngãi -TV HĐQT - Sinh năm: 1958

- Quê quán: Bắc Mỹ An, Tp Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1978 - 1984: Cán bộ kỹ thuật Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 1984 - 1999: Phó phòng XD CB Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 1999 - 2002: Trưởng phòng XD CB Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 2003 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng
- Chức vụ hiện tại: UVHĐQT – Phó Giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

4) Ông: Phạm Thanh Bình - TV HĐQT - Sinh năm: 1961

- Quê quán: Ân Tín, Hoài Ân, Bình Định
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat, Kỹ sư điện kỹ thuật
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1985 - 1995: Cán bộ phụ trách kế hoạch - kỹ thuật XN đá ốp lát và xây dựng thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 1995 đến 2003: Phó phòng kỹ thuật sản xuất Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 2004 - 4 /2004: Phó giám đốc XN sản xuất bao bì xi măng Đà Nẵng thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng .
 - + Từ 4/2004 - 7/2004: Quyền giám đốc XN sản xuất bao bì xi măng Đà Nẵng thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 7/2004 - 12/2004: Phó giám đốc phụ trách XN sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
 - + Từ 12/2004 đến nay: Giám đốc XN sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng thuộc Công ty Vicem VLXD Đà Nẵng (nay là Công ty cổ phần)
 - + Từ 9/2014 đến nay: Phó Giám đốc Công ty.
- Chức vụ hiện tại: UVHĐQT – Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc XN sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

5) Bà: Nguyễn Thị Thanh Thủy - TV HĐQT - Sinh năm: 1961

- Quê quán: Đức Yên, Đức Thọ, Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Tháng 6 – 12/1984: Nhân viên kế toán – Công ty cung ứng vật tư số 2 - BXD - tại Đà Nẵng.

- + Tháng 1/1985 - 6/1986: Nhân viên kế toán - Công ty XM VLXD số 2 - tại Đà Nẵng.
- + Tháng 7/1986 - 6 /1996: Phụ trách kế toán XN đá ốp lát và vật liệu trang trí = Xí nghiệp kinh doanh xi măng Đà Nẵng trực thuộc Công ty XMVLXD số 2 (nay là Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng)
- + Tháng 7/1996 - 3/1997: Nhân viên kế toán Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
- + Tháng 4/1997 - 7/2002: Phó phòng kế toán Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
- + Tháng 8/2002 - 8/2003: Trưởng phòng kế toán Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
- + Tháng 9/2003 đến nay - Kế toán trưởng Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng
- Chức vụ hiện tại: UVHĐQT - Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Đá Xây dựng Hòa Phát.

2.1.2. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng: gồm có 04 thành viên.

- a. **Giám đốc: Nguyễn Duy Diễm**
- b. **Phó Giám đốc phụ trách đầu tư XD CB: Hồ Ngãi**
- c. **Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh : Phạm Thanh Bình**
- d. **Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Thanh Thủy**

2.1.3. Ban kiểm soát: gồm 03 thành viên.

a. Bà: Hà Hải Yến – Sinh năm: 1975

- Quê quán: Thanh Thịnh, Thanh Chương, Nghệ An
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - kế toán tài chính
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1995-2004: Kế toán tổng hợp Công ty xi măng Hoàng Thạch
 - + Từ 2005-2007: Phó phòng kế toán Công ty xi măng Hoàng Thạch
 - + Từ 2008 : Phó phòng Kế toán Tổng Công ty CN XM Việt Nam
- Chức vụ hiện tại: Trưởng ban Kiểm Soát Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

b. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Sinh năm: 1982

- Quê quán: Đức Phổ, Quảng Ngãi
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - + Từ 7/2003 – 3/2010: Nhân viên kế toán Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng.
 - + Từ 4/2010 – đến nay: Phó phòng kế toán Công ty Vicem VLXD Đà Nẵng.
- Chức vụ hiện tại: Phó phòng Kế toán Tài chính – Thành viên BKS Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

c. Ông Trần Minh Hoàng – Sinh năm: 1961

- Quê quán: Đồng Hới, Quảng Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

- + Từ 4/1984 đến 9/2002: Công tác tại Công ty CP Xi măng VLXD XL Đà Nẵng.
- + Từ 10/2002 đến 4/2008: Công tác tại Công ty Xi măng Hải Vân.
- + Từ 5/2008 -- 10/2012: Công tác tại phòng TCHC - Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng.
- + Từ 11/2012 - đến nay: Phó phòng TCHC - Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng.
- Chức vụ hiện tại: Phó Phòng Tổ chức hành chính – Thành viên BKS Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

2.2. Thay đổi BDH trong năm: không thay đổi

2.3. Lương, thưởng BDH: Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, tổng thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2014 là 230 triệu đồng.

2.4. Nguồn nhân lực:

- Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm 2014 là : 355 người. Trong đó:

Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
Số lao động (người)	355	350	
Trên đại học	1	1	
Đại học	63	61	
Cao đẳng	6	5	
Trung cấp	29	26	
Lao động nữ	140	138	
Thu nhập BQ (ng/đồng)	6.138.000	6.300.000	

2.5. Chính sách đối với người lao động:

- Với phương châm “ *Nhân viên là tài sản và là người bạn đồng hành trên con đường thành công và phát triển của Doanh nghiệp*”, DXV luôn quan tâm đến sự phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là những nhân viên xuất sắc, có năng lực và nhiệt huyết đóng góp. Mục tiêu trở thành nhà cung cấp chính cho thị trường miền Trung và Tây nguyên, Công ty cần có sự đồng hành và cống hiến từ những con người năng động, nhiệt huyết. Một số chính sách rõ ràng, chế độ cạnh tranh và công tác quản trị nguồn nhân lực hiện quả là mục tiêu mà tập thể ban điều hành Công ty hướng đến.

- *Chế độ làm việc:* Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, từ thứ hai đến thứ 6, từ 7h – 11h ngày thứ bảy hàng tuần. Nếu Công ty có yêu cầu người lao động làm thêm giờ thì người lao động sẽ được bố trí nghỉ bù hoặc thanh toán tiền lương và phụ cấp theo quy định của Nhà nước.

- *Nghỉ phép, lễ, Tết:* Nhân viên được nghỉ Lễ và Tết theo quy định của Bộ lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Người lao động có thể nghỉ phép 01 lần trong năm hoặc trải đều các tháng trong năm.

- *Nghỉ ốm, thai sản:* Công ty thực hiện đúng các quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các quy định hiện hành của Nhà nước về nghỉ ốm. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định và được hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội thay lương. Công ty vẫn thực hiện chi trả lương cho người lao động khi người lao động nghỉ làm việc trong thời gian bị ốm đau, thai sản (năm ngoài chế độ bảo hiểm do nhà nước chi trả).

- *Điều kiện làm việc:* Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

- *Đảm bảo việc làm cho người lao động:* Để giải quyết việc làm cho người lao động, Ban Giám đốc Công ty đã có những biện pháp như luôn tích cực, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp cận thị trường, đề ra những biện pháp đổi mới trong sản xuất kinh doanh, tăng cường mối quan hệ với các đơn vị trong và ngoài Vicem nhằm mở rộng địa bàn tiêu thụ, SXKD đảm bảo cho người lao động có việc làm liên tục, ổn định và nâng cao đời sống.

- *Chế độ lương và các khoản phụ cấp:*

+ **Đối tượng:** áp dụng cho tất cả bao gồm Ban điều hành và người lao động tại Công ty.

+ **Tiền lương:** bao gồm lương chức danh và các khoản phụ cấp và lương làm thêm giờ.

* **Lương chức danh:** Xác định theo vị trí công việc. Trong năm, công ty đã điều chỉnh các mức lương chức danh phù hợp với vị trí công việc.

* **Phụ cấp:** Bao gồm các khoản phụ cấp sau: ăn trưa, điện thoại di động (Ban điều hành, trưởng phó phòng ban và nhân viên thị trường),...

+ **Chế độ thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào kết quả chung, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Ngoài tiền lương, CBCNV trong công ty được thưởng thêm và được trích từ khen thưởng từ quỹ lương của Công ty theo năng suất hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

- *Chính sách phúc lợi:*

+ **BHXH và BHYT:** công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV theo quy định của Nhà nước. Trong năm, Công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm đầy đủ cho người lao động đúng quy định với số tiền 4,76 tỷ đồng.

+ **Khám sức khỏe hàng năm:** Tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2014 cho người lao động theo từng địa bàn của Công ty.

+ **Du lịch, nghỉ mát hàng năm:** Tổ chức theo từng bộ phận lao động tham quan, du lịch trong nước với nguồn kinh phí công đoàn và phúc lợi của Công ty.

+ **Nhân viên Công ty khi gặp khó khăn đột xuất, ma chay, hiếu hỉ hay đau ốm, thành hôn,...** đều được Công đoàn quan tâm thăm hỏi và giúp đỡ.

+ **Nghỉ phép, nghỉ Lễ, Tết hàng năm:** theo chế độ quy định.

- *Tổ chức công đoàn:* Công đoàn công ty hoạt động tích cực nhằm tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Công ty thường xuyên thực hiện khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt, chi thưởng cho CBCNV vào các dịp Lễ, Tết,...

- *Công ty cam kết các chính sách đối với người lao động* trong Công ty là nhất quán và luôn hướng tới người lao động để tạo đội ngũ nguồn nhân lực được phát triển toàn diện, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài vì mục tiêu chung của Công ty.

- *Lập quỹ hỗ trợ người lao động:* tạo điều kiện cho người lao động trong những lúc khó khăn đột xuất có điều kiện được vay ưu đãi không phải trả lãi suất.

- *Chính sách tuyển dụng:*

+ **Mục tiêu tuyển dụng** của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, khả năng thích ứng công việc, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có ý thức sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng

phân tích, quản lý và trình độ ngoại ngữ, tin học,.... Ngoài lực lượng sản có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.

- *Chính sách thu hút nhân tài:* Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với cống hiến chất xám, đặc biệt đối với nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

- *Chính sách đào tạo:* Công ty coi con người là tài sản quý giá nhất của Doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ vấn đề đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và tạo cơ hội phát triển cho nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ, nghiên cứu thị trường trong và ngoài Vicem nhằm đáp ứng nhu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty còn thực hiện việc lập quỹ đào tạo để tạo điều kiện cho người lao động học thêm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tình hình tài chính:

3.1. Tình hình tài chính:

(ĐVT : đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	% 2014/2013
Tổng giá trị tài sản	192.053.780.173	219.285.755.677	87,58%
Doanh thu thuần	690.723.428.050	622.770.199.636	110,91%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-11.018.906.481	-10.612.750.183	
Lợi nhuận khác	17.481.482.558	16.823.389.660	103,91%
Lợi nhuận trước thuế	6.462.576.077	6.210.639.477	104,06%
Tỷ lệ LNST	1%	0,73%	

3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

tt	Các Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,89	1,57	
	<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>			
	- Hệ số thanh toán nhanh	1,56	1,34	
	<i>(TSLĐ- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn</i>			
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,43	0,53	
	- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,78	1,13	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho	25,04	18,77	
	<i>Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân</i>			

	- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	3,00	2,84
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,01	0,01
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,047	0,04
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,026	0,02
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	(0,02)	(0,02)

4. Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông:

4.1. Cổ phần đang lưu hành:

- Cổ phần phổ thông đang lưu hành:

Năm	Đvt	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Cộng
Năm 2013	Cp	9.848.700	51.300	9.900.000
Năm 2014	Cp	9.848.700	51.300	9.900.000

4.2. Cơ cấu cổ đông năm 2014: Theo báo cáo tổng hợp của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp số lượng và cơ cấu vốn cổ đông đến ngày 25/3/2014 như sau (mã chứng khoán của Công ty : DXV, mệnh giá giao dịch 10 000 VND/01 cổ phiếu):

		Cá nhân	Tổ chức	Tổng cộng
Trong nước	Cổ đông	729	6	735
	Cổ phần	3.270.442	6.571.358	9.841.800
Nước ngoài	Cổ đông	16	1	17
	Cổ phần	42.950	15.250	58.200
Tổng cộng	Cổ đông	745	7	752
	Cổ phần	3.313.392	6.586.608	9.900.000

+ Danh sách cổ đông ngoài nắm giữ trên 5%: không có

+ Danh sách cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần lớn nhất đến ngày 25/3/2014.

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ %
1	Tổng Công ty CN xi măng Việt nam	228 Lê Duẩn -Hà Nội	6.514.700	65,80

+ Danh sách cổ đông nắm giữ từ 1 - 5%: Theo báo cáo tổng hợp của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp số lượng và cơ cấu vốn cổ đông đến ngày 25/3/2014 như sau (mã chứng khoán của Công ty : DXV, mệnh giá giao dịch 10 000 VND/01 cổ phiếu):

Tên cổ đông	Ngày cấp	Quốc tịch	CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Ngô Đại Dương	27/3/2007	Việt Nam	150.000	1,52%
Phạm Tuấn Hà	04/5/2001	Việt Nam	329.000	3,32%
Đỗ thị Thu Hà	11/7/1999	Việt Nam	331.050	3,34%
Nguyễn Văn Sứy	28/7/2009	Việt Nam	157.720	1,59%

* Tỷ lệ phần trăm là tỷ lệ số cổ phần sở hữu trên tổng số cổ phần của Công ty.

4.3. Thay đổi sở hữu của CĐ nội bộ và CĐ lớn trong năm:

- Không có thay đổi về sở hữu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn trong năm.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT và BKS trong năm không thay đổi. Theo sở hữu và ủy quyền của Tổng Công ty CN XM Việt Nam.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2014	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch HĐQT	2.475.000	25,00
2	Nguyễn Duy Diễm	TV HĐQT	1.982.200	20,02
3	Hồ Ngải	TV HĐQT	695.800	7,02
4	Nguyễn Thị Thanh Thủy	TV HĐQT	871.700	8,80
5	Phạm Thanh Bình	TV HĐQT	2.100	0,02
6	Hồ Hải Yến	Trưởng BKS	495.000	5,00

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC :**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :**

Trong năm 2014, Công ty triển khai nhiệm vụ SX-KD với những đặc điểm như sau:

*** Thuận lợi:**

- Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn nhưng nền kinh tế Việt Nam đã có dấu hiệu khởi sắc; GDP năm 2014 tăng 5,98%; tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt trên 1.220 nghìn tỉ đồng, tăng 11,5% so cùng kỳ.
- Công ty tiếp tục nhận được sự chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam và các Công ty xi măng Hoàng Thạch, Bim Sơn, Hải Vân..
- Thị trường gạch nung trên địa bàn Công ty kinh doanh đã có sự chuyển biến từ Quý II/2014, nhu cầu thị trường bắt đầu tăng lên.
- Các đơn vị sản xuất và kinh doanh trực thuộc Công ty để có sự chuẩn bị tốt cho việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như: ổn định thiết bị, công nghệ sản xuất; nguyên vật liệu chính; lao động; tăng cường mở rộng thị trường...

*** Khó khăn:**

- Thị trường vỏ bao xi măng đã có sự dịch chuyển sang vỏ bao PP dán đáy.
- Thị trường xi măng trên địa bàn cung tiếp tục vượt cầu, các thương hiệu xi măng giá thấp tiếp tục đưa vào thị trường tạo ra sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt với xi măng VICEM mà Công ty đang kinh doanh.
- Thị trường tiêu thụ xi măng Hoàng Thạch ở địa bàn Nam Trung bộ (Khánh Hòa, Đắk Lắk ...) tiếp tục bị đan xen tạo nên sự cạnh tranh nội bộ gay gắt.
- Việc kiểm soát phương tiện vận tải tạo nên sự khó khăn về khai thác phương tiện vận chuyển đường bộ đến các địa bàn, giá cước vận chuyển chưa ổn định thống nhất một mặt bằng.
- Trong Quý IV, thời tiết biến động liên tục nên ảnh hưởng việc vận chuyển xi măng Hoàng Thạch Hải Dương từ phía Bắc vào bị gián đoạn liên tục.

*** Kết quả đạt được:**

Từ đặc điểm tình hình trên, trong quá trình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Ban Giám đốc đã căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và các nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty, bám sát diễn biến thị trường, khai thác những mặt thuận lợi, kịp thời đề ra những biện pháp khắc phục khó khăn phấn đấu đạt được những mục tiêu năm 2014 đề ra như sau:

TT	Mục tiêu chủ yếu	ĐVT	Mục tiêu 2014	Thực hiện 2014	% thực hiện
1/	Tổng doanh thu	Ti đồng	673,292	690,723	103
2/	Sản lượng hàng hóa				
	- Xi măng	Tấn	370.000	375.503	105
	-Vỏ bao xi măng	Triệu cái	29,00	29,196	101
	-Gạch nung QTC	Triệu viên	37,00	37,550	101
3/	Nộp ngân sách	Ti đồng	6,624	8,122	123
4/	Lợi nhuận trước thuế	Ti đồng	6,277	6,462	103

Trong quá trình điều hành, Ban giám đốc Công ty đã triển khai đầy đủ và kịp thời các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và đầu tư, cụ thể như sau:

*** Trong kinh doanh xi măng:**

- Có chính sách giá bán, chiết khấu, khuyến mãi linh hoạt từng địa bàn, phù hợp với quy định của nhà sản xuất và diễn biến trên thị trường.

- Tiếp tục củng cố hệ thống bán hàng theo hướng khuyến khích gia tăng về quy mô, hạn chế cạnh tranh về giá bán nhằm duy trì quyền lợi của hệ thống bán hàng. Trong năm đã mở thêm 10 nhà phân phối mới, mở rộng kênh bán hàng trực tiếp đến người tiêu dùng.

- Công tác quản lý tài chính thường xuyên được củng cố, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, kiểm kê định kỳ.

- Thực hiện các biện pháp giảm chi phí bán hàng, chi phí qua kho nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, điều chỉnh phí khoán theo sản lượng tiêu thụ.

- Thực hiện báo cáo nhanh hiệu quả kinh doanh, phân tích, đánh giá hoạt động của nhà phân phối hàng tháng nhằm có chính sách hỗ trợ kịp thời cho khách hàng.

*** Trong sản xuất VLXD:**

- Tiếp tục mở rộng thị trường vỏ bao với các khách hàng ngoài VICEM, đồng thời có giải pháp nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng được yêu cầu khách hàng trong mùa tiêu thụ cao điểm. Trong năm không xảy ra tình trạng phải xử lý chất lượng sản phẩm cho khách hàng, duy trì tốt công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Đồng thời đơn vị đã có giải pháp tiết kiệm hạt nhựa tạo sợi, hạt nhựa tráng màng so với định mức được giao.

- Triển khai các giải pháp cạnh tranh của sản phẩm gạch nung tại An Hòa và Lai Nghi như: tăng tỉ lệ sản phẩm A/AB, tăng sản lượng sản phẩm gạch đặc... Mặt khác, đơn vị đã cải tiến phương pháp pha than vào một băng băng chuyên định lượng thay cho vít tải than.

*** Công tác đầu tư :**

- Tiếp tục thực hiện công tác quyết toán Dự án xi măng Cam Ranh và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng trong việc bàn giao dự án cho Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 theo thỏa thuận giữa hai Công ty.

- Chuẩn bị đầu tư dây chuyền vỏ bao PP dán đáy tại Xí nghiệp sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng với công suất 25 triệu vỏ/năm.

2. Tình hình tài chính:

- Tài sản tài chính: Trong năm 2014, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

- Nợ phải trả tài chính: Trong năm 2014, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

3. Mục tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2015:

Căn cứ vào tình hình thị trường, khả năng sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2015 của Công ty, Ban giám đốc Công ty dự kiến phương án sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2015 như sau:

* **Doanh thu:** Tổng doanh thu: 739,263 tỉ đồng tăng 7% so năm 2014

*** Sản lượng tiêu thụ:**

- Xi măng : 400.000 tấn tăng 7% so năm 2014.
- Gạch nung (QTC): 38 triệu viên tương đương năm 2014.
 - + An Hòa: 25 triệu viên.
 - + Lai nghi: 13 triệu viên.
- Vò bao xi măng: 29 triệu cái tương đương năm 2014.

* **Đầu tư :** Triển khai đầu tư dây chuyền sản xuất vò bao PP dán đáy tại Xí nghiệp sản xuất vò bao Đà Nẵng.

*** Kết quả sản xuất kinh doanh:**

- Lợi nhuận trước thuế : 6,480 tỉ đồng tương đương năm 2014

(chưa tính lỗ lũy kế do xử lý hồi tố chênh lệch tỉ giá Dự án xi măng Cam Ranh đã được chuyển nhượng)

*** Một số biện pháp chủ yếu thực hiện mục tiêu năm 2015:****a/ Kinh doanh xi măng:**

- Chủ động, tích cực khai thác phương tiện vận chuyển để đưa hàng từ các Nhà máy và Trạm nghiền về các địa bàn kinh doanh, đáp ứng kịp thời và hợp lý theo yêu cầu của khách hàng.
- Kiện toàn, củng cố hệ thống bán hàng qua các kênh: nhà phân phối cấp 2, cửa hàng, công trình...

- Khai thác lợi thế từng thương hiệu VICEM trên các địa bàn nhằm tăng sức cạnh tranh với các thương hiệu xi măng khác.

- Tăng cường kiểm tra, quản lý an toàn tiền - hàng, nâng cao vòng quay vốn.

- Duy trì báo cáo nhanh kết quả kinh doanh hàng tháng, quý.

b/ Sản xuất VLXD:

- Mở rộng thị trường vò bao trong và ngoài VICEM, đáp ứng kịp thời yêu cầu khách hàng về chủng loại, mẫu mã... Có kế hoạch chuẩn bị dự trữ hạt nhựa, giấy, sợi, vải mảnh... ở mức hợp lý nhằm đảm bảo công suất tối đa trong mùa tiêu thụ quý II, quý III.

- Củng cố và mở rộng thị trường sản phẩm gạch nung Tuynel tại thị trường Quảng Nam và Đà Nẵng.

- Triển khai các biện pháp tiết kiệm trong sản xuất như : giảm định mức tiêu hao vật tư chủ yếu than, điện, giấy, hạt nhựa..., chi phí quản lý, chi phí bán hàng nhằm duy trì được hiệu quả sản

xuất. Có biện pháp giảm tỉ lệ phế liệu trong công đoạn tráng màng in ống tại Xí nghiệp sản xuất vỏ bao Đà Nẵng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

*** Về hiệu quả hoạt động của Công ty và Ban điều hành:**

- Hội đồng quản trị công ty được bầu gồm 05 thành viên, trong đó có 04 thành viên làm kiêm nhiệm trong công tác quản lý và điều hành tại công ty và 01 thành viên là quản lý tại Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nên việc chỉ đạo điều hành thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty và định hướng chung của Tổng Công ty.

- Nền kinh tế trong nước phục hồi chậm, giá cả nguyên vật liệu liên tục tăng, tình hình lạm phát vẫn chưa được kiềm chế,... ảnh hưởng đáng kể đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty.

- Thị trường xi măng cung cấp tiếp tục vượt cầu, nên cạnh tranh ngày càng quyết liệt; nhu cầu VLXD trên địa bàn giảm xuống, sự cạnh tranh về giá bán diễn ra gay gắt.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm. Có 01 thành viên là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và 04 thành viên là ban lãnh đạo công ty.

Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm. Trong 03 thành viên có 02 thành viên là CBCVN công ty.

Trong thời gian qua, các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát đã hoàn thành trách nhiệm và công việc của mình, không có mâu thuẫn về quyền lợi và lợi ích với Công ty.

Thủ lao của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được thực hiện đúng theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2014 thông qua ngày 25/4/2014.

Trong thời gian qua không có giao dịch cổ phiếu nào của Công ty liên quan đến thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát.

1.1. Vai trò và hoạt động của HĐQT:

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp trực tiếp 6 phiên với những vấn đề quan trọng của Công ty đã được bàn thảo và quyết định tại các phiên họp của Hội đồng quản trị Công ty bao gồm:

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 và các nghị quyết tại các phiên họp của Hội đồng quản trị, trên cơ sở tình hình thực tế của Công ty đề ra các biện pháp thực hiện nhiệm vụ quý, 6 tháng cuối năm, ...kiểm điểm những mặt làm được, những mặt còn hạn chế trong điều hành.

- Giải quyết những tồn tại trong việc chuyển giao Dự án Nhà máy xi măng Cam Ranh cho Công ty CP xi măng Hà Tiên.

- Thống nhất đề bạt ông Phạm Thanh Bình - Giám đốc Xí nghiệp sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng là Phó giám đốc Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng.

- Thống nhất cho thanh lý Hợp đồng kiểm toán Dự án Nhà máy Cam Ranh với Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC và lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

- Quyết định nâng lương theo thang lương 205/CP cho 2 trường hợp thuộc diện Hội đồng

quản trị quản lý.

- Thống nhất đầu tư dây chuyền sản xuất vỏ bao PP dán đáy và khăn trương đôn độc CCID lập báo cáo đầu tư triển khai trong năm 2015.

- Thanh lý tài sản : xe 12 chỗ : 43K1733 và xe tải 2,5T : 43S6139, đã khấu hao xong, tình trạng xe không an toàn, thống nhất cho thanh lý, bán đấu giá, thu hồi tài sản theo quy định hiện hành.

Việc tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo đúng quy định tại điều lệ Công ty, các cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị Công ty đều có chương trình, thời gian, địa điểm và các vấn đề sẽ thảo luận và quyết định tại cuộc họp. Cuộc họp không trực tiếp (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) để thông qua các quyết định để được Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Những vấn đề được Hội đồng quản trị bàn thảo và quyết định tại cuộc họp đều được ghi lại bằng biên bản; các quyết định của Hội đồng quản trị đều được ban hành bằng Nghị quyết triển khai trong toàn Công ty và lưu trữ theo quy định.

1.2. Việc tổ chức thực hiện theo ủy quyền các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:

Ngày 25/4/2015, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty từ các công việc chuẩn bị Đại hội, triệu tập Đại hội, thực hiện các chương trình đề ra trong Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã hoàn thành với chương trình nghị sự thông qua gồm 10 nội dung mà Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết số: 567/NQ-ĐHCD, ngày 25/4/2014 thông báo với các cổ đông.

- Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

1.3. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc giám sát đối với Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty thông qua chế độ báo cáo thường kỳ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại các cuộc họp hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Năm 2014, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện được đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo quy định tại điều lệ công ty; thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị để đề ra các biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu đã được Đại hội thông qua, thực hành tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2015:

- Trên cơ sở vai trò, vị trí, chức năng của Hội đồng quản trị Công ty được xác định tại điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty sẽ triển khai chỉ đạo thực hiện các mục tiêu năm 2015 được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ, nghị quyết của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

- Tiếp tục duy trì sự đoàn kết, phối hợp giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị.

- Thường xuyên duy trì chương trình họp Hội đồng quản trị Công ty theo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu để đề ra các nghị quyết nhằm triển khai thực hiện tốt các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua.

- Thường xuyên giám sát Ban Giám đốc, và các cán bộ quản lý tiếp tục nâng cao năng lực quản lý điều hành đang sản xuất kinh doanh

2. Ban Kiểm soát :

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát :

Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm. Trong 03 thành viên có 01 thành viên là Phó phòng Tài chính kế toán Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam, 02 thành viên là CBCVN công ty.

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã duy trì việc hoạt động kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.

* Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2014 :

1. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ % Th/MT
1	Doanh thu	1.000đ	673.291	690.723	103
2	Sản lượng tiêu thụ				
	Xi măng	tấn	370.000	375.659	102
	Gạch nung	triệu viên	37.000	37.551	101
	Vỏ bao	triệu vỏ	29.000	29.196	101
3	Nộp ngân sách	tỷ đồng	6,605	8,122	123
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	6,277	6,598	105

- Đối với kinh doanh xi măng:

Năm 2014 nền kinh tế đất nước vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, Nhà nước đã thực hiện các biện pháp kiềm chế lạm phát, cắt giảm đầu tư công nhằm ổn định kinh tế vĩ mô..., dẫn đến việc các dự án bất động sản bị đình trệ; Khối lượng xây dựng giảm dẫn đến việc giảm nhu cầu sử dụng các loại vật liệu xây dựng trong đó có xi măng; Thị trường xi măng khu vực 'cung' vượt xa so với 'cầu' nên cạnh tranh càng quyết liệt, các thương hiệu xi măng giá thấp đã tăng cường đưa vào thị trường địa bàn gia tăng sự cạnh tranh với xi măng mà Công ty đang kinh doanh; Tuy vậy, Công ty đã cố gắng bám sát diễn biến thị trường, có các biện pháp khắc phục khó khăn để đạt được mục tiêu, sản lượng tiêu thụ xi măng năm 2014 đạt 375.659 tấn xi măng tăng 3% so với mục tiêu đề ra.

- Đối với sản xuất và tiêu thụ gạch nung và vỏ bao: trong tình hình giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào như: hạt nhựa, xăng, dầu, điện... đều tăng làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của

Công ty; Xí nghiệp sản xuất vỏ bao xi măng và Nhà máy gạch An Hòa đã tăng cường công tác quản lý, giám sát khâu nhập nguyên liệu đầu vào, đảm bảo ổn định chất lượng, thực hiện tốt định mức tiêu hao vật tư góp phần hạ giá thành sản phẩm, hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Đối với công tác đầu tư: Tiếp tục thực hiện công tác quyết toán Dự án xi măng Cam Ranh và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng trong việc chuyển nhượng dự án cho Công ty CP xi măng Vicem Hà Tiên 1 .

2. Tình hình tài chính năm 2014:

- Một số chỉ tiêu tài chính tóm tắt năm 2014 như sau:

		<i>DVT: Đồng</i>	
tt	Nội dung	31/12/2014	31/12/2013
A	Tài sản	192.053.780.173	219.285.755.677
1	Tài sản ngắn hạn	159.441.220.482	182.176.905.499
	Tiền và các khoản tương đương tiền	24.159.978.676	27.867.824.060
	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	20.000.000.000	20.000.000.000
	Các khoản nợ phải thu	81.864.906.174	103.580.670.454
	Hàng tồn kho	27.504.615.718	26.247.908.614
	Tài sản ngắn hạn khác	5.911.719.914	4.480.502.371
2	Tài sản dài hạn	36.612.559.691	37.108.850.178
	Tài sản cố định	32.292.500.212	36.569.737.200
	Tài sản dài hạn khác	320.059.354	539.112.978
B	Nguồn vốn	192.053.780.173	219.285.755.677
1	Nợ phải trả	84.293.293.578	116.279.132.028
	Nợ ngắn hạn	83.560.767.630	116.128.488.091
	Nợ dài hạn	732.525.948	150.643.937
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	107.760.486.595	103.006.623.649
	Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.000.000.000	99.000.000.000
	Vốn khác của chủ sở hữu	725.357.511	725.357.511
	Quỹ dự phòng tài chính	918.296.284	918.296.284
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	Quỹ đầu tư phát triển	15.178.555.289	15.178.555.289
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(8.061.722.489)	(12.815.585.435)
	Nguồn kinh phí và quỹ khác		

- Việc thực hiện báo cáo tài chính theo chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán. Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

- Số liệu báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kế toán của Công ty.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2013:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013, Công ty đã chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2013 là : 252.000.000đ (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng chẵn)

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán độc lập:

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2014, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 26/02/2015 của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư thuộc Dự án Nhà máy Cẩm Ranh từ Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng sang Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1, ngày 20/06/2013 Công ty đã chuyển giao công nợ phải trả của một số nhà cung cấp cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 và hạch toán giảm trên sổ kế toán của Công ty với tổng số tiền : 14.489.476.609 đồng. Tuy nhiên, việc chuyển giao nghĩa vụ nợ này (giữa Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 và các nhà cung cấp) chưa được lập thành biên bản và Phụ lục hợp đồng kèm theo (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 34.1).

Cũng liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư thuộc Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh, Công ty đang ghi nhận trên Báo cáo tài chính của mình phần chi phí đầu tư bổ sung, công nợ phải thu và công nợ phải trả của Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh sau ngày Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ký biên bản bàn giao (ngày 20/06/2013). Bao gồm : Các chi phí đầu tư bổ sung liên quan đến Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh được Công ty theo dõi tại chỉ tiêu “ Các khoản phải thu khác “ tại ngày 31/12/2014 và tại ngày 01/01/2014 với số tiền lần lượt là 34.568.260.856 đồng và 32.285.377.453 đồng; các khoản phải thu liên quan đến Dự án được công ty theo dõi tại chỉ tiêu “ Trả trước cho người bán “ với tổng số tiền tại ngày 31/12/2014 và tại ngày 01/01/2014 lần lượt là 148.209.192 đồng và 403.209.192 đồng ; các khoản công nợ phải trả liên quan đến Dự án được Công ty theo dõi trên chỉ tiêu “ Phải trả cho người bán “ (bao gồm khoản công nợ phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư) với tổng số tiền tại ngày 31/12/2014 và tại ngày 01/01/2014 lần lượt là 26.601.570.611 đồng; và 40.503.306.851 đồng, tại chỉ tiêu “ các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác “ tại ngày 31/12/2014 và tại ngày 01/01/2014 với cùng số tiền là 1.905.921.443 đồng. Số liệu bàn giao cuối cùng về Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh cũng như lãi hoặc lỗ từ hoạt động chuyển nhượng dự án này phụ thuộc vào kết quả kiểm toán quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Dự án này và sự chấp thuận cuối cùng của các bên liên quan đến Dự án bàn giao. Do đó, chúng tôi không đánh giá được tính chính xác và phù hợp của các khoản công nợ liên quan đến Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 đang trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, khoản công nợ phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư đã tồn tại từ ngày 18/8/2011 đến nay với số dư không thay đổi là 232.826,49 USD (tương đương 4.897.738.044 đồng); trong khi số liệu nợ được hai bên xác định ngày 18/8/2011 là 393.564,69 USD, chênh lệch 160.738,2 USD. Chúng tôi đã gửi thư xác nhận nhưng đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi cụ thể về số liệu công nợ từ các bên liên quan. Do đó, bằng các thủ tục thay thế, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản nợ nêu trên cũng như về số liệu chênh lệch công nợ giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng Kinh doanh Vật tư.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc về việc Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng đang chuẩn bị các thủ tục để giải quyết vụ kiện tranh chấp giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 5 Hải Phòng (Chi tiết tại thuyết minh số 36 của thuyết minh Báo cáo tài chính). Các khoản lợi ích (nếu có) cũng như thiệt hại phát sinh từ vụ kiện sẽ được Công ty xác định và ghi nhận trên Báo cáo tài chính của mình sau khi có kết quả cuối cùng của tòa phúc thẩm. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại ngày 27 tháng 03 năm 2014 về các vấn đề liên quan đến hoạt động chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư thuộc Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh, bao gồm : chuyển giao nghĩa vụ nợ phải trả của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 chưa có cơ sở pháp lý, chênh lệch công nợ với Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư chưa được xử lý, chi phí và công nợ phải trả liên quan đến dự án chưa được phía Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 xác nhận.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

(Đã ký)

(Đã ký)

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thị Minh Hạnh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0904-2013-002-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		159.441.220.482	182.176.905.499
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	24.159.978.676	27.867.824.060
111	1. Tiền		24.159.978.676	27.867.824.060
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	04	20.000.000.000	20.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		20.000.000.000	20.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		81.864.906.174	103.580.670.454
131	1. Phải thu khách hàng		45.958.323.115	67.304.231.882
132	2. Trả trước cho người bán		1.224.873.744	2.281.948.417
135	5. Các khoản phải thu khác	05	36.500.529.315	34.157.999.755
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.818.820.000)	(163.509.600)
140	IV. Hàng tồn kho	06	27.504.615.718	26.247.908.614
141	1. Hàng tồn kho		27.504.615.718	26.247.908.614
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.911.719.914	4.480.502.371
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		48.490.000	107.385.607
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.510.528.736	2.675.838.984
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	07	124.594.771	1.208.809.598
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	08	2.228.106.407	488.468.182
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		32.612.559.691	37.108.850.178
220	II. Tài sản cố định		32.292.500.212	36.569.737.200
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	32.158.003.786	36.435.240.774
222	- Nguyên giá		109.873.767.353	110.257.367.353
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(77.715.763.567)	(73.822.126.579)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		150.000.000	150.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(150.000.000)	(150.000.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	134.496.426	134.496.426
260	V. Tài sản dài hạn khác		320.059.479	539.112.978
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	320.059.479	539.112.978
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		192.053.780.173	219.285.755.677

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		84.293.293.578	116.279.132.028
310	I. Nợ ngắn hạn		83.560.767.630	116.128.488.091
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	112.170.050	24.346.725.050
312	2. Phải trả người bán		58.329.065.670	80.481.902.064
313	3. Người mua trả tiền trước		14.459.433.878	74.312.512
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	763.561.748	736.019.534
315	5. Phải trả người lao động		4.630.078.717	5.051.685.836
316	6. Chi phí phải trả	15	1.724.566.672	1.516.600.502
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	3.541.890.895	3.900.539.183
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		-	20.703.410
330	II. Nợ dài hạn		732.525.948	150.643.937
333	3. Phải trả dài hạn khác	17	365.312.314	116.853.028
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		367.213.634	33.790.909
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		107.760.486.595	103.006.623.649
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	107.760.486.595	103.006.623.649
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		99.000.000.000	99.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		725.357.511	725.357.511
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		15.178.555.289	15.178.555.289
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		918.296.284	918.296.284
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(8.061.722.489)	(12.815.585.435)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		192.053.780.173	219.285.755.677

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	19	339.200.000	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.845.086.049	1.845.086.049
5. Ngoại tệ các loại USD		152,41	163,95

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng


Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Giám đốc

Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2015



Nguyễn Duy Diễn

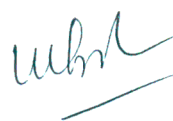


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	697.826.767.878	628.570.816.308
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	7.103.339.828	5.800.616.672
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	690.723.428.050	622.770.199.636
11	4. Giá vốn hàng bán	23	673.048.299.281	610.079.548.440
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.675.128.769	12.690.651.196
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.676.202.733	1.917.665.543
22	7. Chi phí tài chính	25	1.213.155.453	1.268.792.056
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		318.452.453	1.220.736.997
24	8. Chi phí bán hàng	26	12.936.038.817	12.431.314.534
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	16.079.262.949	11.520.960.332
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.877.125.717)	(10.612.750.183)
31	11. Thu nhập khác	28	17.868.669.934	496.160.816.283
32	12. Chi phí khác	29	393.388.285	479.337.426.623
40	13. Lợi nhuận khác		17.475.281.649	16.823.389.660
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.598.155.932	6.210.639.477
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.1	1.481.522.183	1.676.004.437
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.116.633.749</u>	<u>4.534.635.040</u>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2015

Giám đốc




Nguyễn Duy Diễn

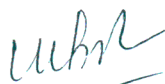
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh khác		729.657.607.798	654.752.855.356
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(671.993.547.731)	(639.929.177.361)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(25.126.958.040)	(22.101.673.190)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(96.819.222)	(1.460.013.000)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(392.640.346)	(58.847.053)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.753.670.552	58.044.154.341
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(28.355.689.461)	(58.048.786.074)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.445.623.550	(8.801.486.981)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(1.107.610.828)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		15.300.000	32.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(20.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.065.786.066	2.028.067.920
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.081.086.066	953.275.274
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	24.234.555.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(24.234.555.000)	(20.000.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(4.257.560.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(24.234.555.000)	(23.005.700)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.707.845.384)	(7.871.217.407)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		27.867.824.060	35.738.668.614
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	372.853
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	24.159.978.676	27.867.824.060

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



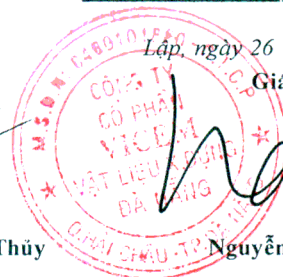
Nguyễn Thị Thanh Thủy

Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Duy Diễm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng, tiền thân là Công ty Vật tư Xây dựng số 2, được thành lập theo Quyết định số 503/BXD-TCCB ngày 28/10/1975 của Bộ Xây dựng.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/06/2007 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0400101820, đăng ký lần đầu ngày 01/06/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05/05/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 15 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 99.000.000.000 đồng; tương đương 9.900.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng (*)	Phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng	Sản xuất và bán vỏ bao xi măng
Xí nghiệp Gạch Tuynel Lai Nghi (*)	Xã Điện Nam Đông, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Sản xuất và bán gạch, ngói
Nhà máy gạch An Hòa (*)	Xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Sản xuất và bán gạch, ngói
Chi nhánh kinh doanh xi măng vật liệu xây dựng Đà Nẵng (**)	225 Phan Chu Trinh, Hải Châu, Đà Nẵng	Kinh doanh xi măng
Chi nhánh tại Quảng Ngãi (**)	Số 132 Quang Trung, TP.Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh doanh xi măng
Chi nhánh tại Bình Định (**)	Số 197, đường Đống Đa, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	Kinh doanh xi măng
Chi nhánh tại Phú Yên (**)	Số 12 đường Tân Đà, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Kinh doanh xi măng
Chi nhánh tại Khánh Hòa (**)	Số 48 Cao Thắng, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh xi măng
Chi nhánh tại Đắk Lắk (**)	Số 60 đường Nguyễn Chí Thanh, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xi măng

(*): Các đơn vị có tổ chức hạch toán kế toán riêng

(**): Các đơn vị hạch toán báo sổ tập trung tại Văn phòng Công ty

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014 là bán buôn, bán lẻ xi măng, sản xuất và bán vỏ bao xi măng, sản xuất và bán gạch ngói. Ngành nghề kinh doanh cụ thể theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn xi măng, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà và văn phòng;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng và vật liệu xây dựng khác;
- Sản xuất vỏ bao xi măng, bao bì các loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Chuẩn bị mặt bằng thi công san lấp, cải tạo mặt bằng đồng ruộng, nạo vét kênh mương thủy lợi, nạo vét lòng hồ, đào ao chứa nước, vận chuyển đất đắp công trình.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị sau:

- Văn phòng Công ty;
- Xí nghiệp Sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng;
- Xí nghiệp Gạch Tuynel Lai Nghi;
- Nhà máy gạch An Hòa.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 năm

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền gửi, công nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

2.16. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.18. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.024.666.722	1.332.128.440
Tiền gửi ngân hàng	23.135.311.954	26.535.695.620
	24.159.978.676	27.867.824.060

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ủy thác quản lý vốn cho Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
	20.000.000.000	20.000.000.000

(*): Khoản ủy thác vốn có kỳ hạn 1 năm, tỷ suất sinh lời kỳ đầu tiên từ 8%/năm đến 8,1%/năm, lãi suất rút trước kỳ hạn đầu tiên là 1%/năm, tỷ suất sinh lời kỳ tiếp theo do hai bên thỏa thuận, phí ủy thác quản lý vốn là 0%/năm.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu Công ty tài chính Cổ phần Xi măng về tiền lãi từ ủy thác vốn	668.750.000	58.333.333
Phải thu Công ty CP xi măng Hoàng Thạch về tạm tính tiền khuyến mại xi măng được hưởng	945.729.796	1.500.235.473
Phải thu Công ty Cổ Phần xi măng Vicem Hoàng Mai về tạm tính tiền khuyến mại xi măng được hưởng	27.590.000	
Chi phí đầu tư bổ sung liên quan đến dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh sau ngày ký biên bản bàn giao 20/06/2013 (*)	34.568.260.856	32.285.377.453
Phải thu khác	290.198.663	314.053.496
	36.500.529.315	34.157.999.755

(*) Chi tiết xem tại phần "Chi phí đầu tư bổ sung liên quan đến dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh sau ngày ký biên bản bàn giao 20/06/2013", tại Thuyết minh số 34.1 - Hoạt động chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư thuộc Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	5.871.080.787	7.187.066.555
Nguyên liệu, vật liệu	9.724.827.141	9.960.738.459
Công cụ, dụng cụ	332.794.001	418.156.507
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.470.991.536	2.977.372.141
Thành phẩm	3.601.200.074	3.685.239.797
Hàng hóa	5.099.682.179	1.737.760.355
Hàng gửi đi bán	404.040.000	281.574.800
	27.504.615.718	26.247.908.614

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	119.927.761	1.208.809.598
Thuế thu nhập cá nhân	4.667.010	-
	124.594.771	1.208.809.598

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	124.836.054	124.836.054
Tạm ứng	691.270.353	351.632.128
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.412.000.000	12.000.000
	2.228.106.407	488.468.182

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	30.014.511.983	67.697.440.185	11.179.412.538	1.073.394.511	292.608.136	110.257.367.353
Số tăng trong năm	3.007.958.745	-	-	30.130.000	-	3.038.088.745
- Phân loại lại	3.007.958.745	-	-	30.130.000	-	3.038.088.745
Số giảm trong năm	-	(1.456.417.727)	(1.672.662.882)	-	(292.608.136)	(3.421.688.745)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(383.600.000)	-	-	(383.600.000)
- Phân loại lại	-	(1.456.417.727)	(1.289.062.882)	-	(292.608.136)	(3.038.088.745)
Số dư cuối năm	33.022.470.728	66.241.022.458	9.506.749.656	1.103.524.511	-	109.873.767.353
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	15.969.835.886	46.227.578.292	10.335.965.785	1.054.660.111	234.086.504	73.822.126.579
Số tăng trong năm	2.774.291.695	2.987.955.670	255.367.183	36.374.800	-	6.053.989.348
- Khấu hao trong năm	998.408.523	2.987.955.670	255.367.183	6.244.800	-	4.247.976.176
- Hao mòn TSCĐ từ Nguồn Quỹ khen thưởng phúc lợi	29.260.812	-	-	-	-	29.260.812
- Phân loại lại	1.746.622.360	-	-	30.130.000	-	1.776.752.360
Số giảm trong năm	-	(338.275.890)	(1.587.989.966)	-	(234.086.504)	(2.160.352.360)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(383.600.000)	-	-	(383.600.000)
- Phân loại lại	-	(338.275.890)	(1.204.389.966)	-	(234.086.504)	(1.776.752.360)
Số dư cuối năm	18.744.127.581	48.877.258.072	9.003.343.002	1.091.034.911	-	77.715.763.567
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	14.044.676.097	21.469.861.893	843.446.753	18.734.400	58.521.632	36.435.240.774
Tại ngày cuối năm	14.278.343.147	17.363.764.386	503.406.654	12.489.600	-	32.158.003.786
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					28.700.064.717 VND	

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	150.000.000	150.000.000
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số nợ cuối năm	150.000.000	150.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	150.000.000	150.000.000
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số nợ cuối năm	150.000.000	150.000.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	134.496.426	134.496.426
Công trình Xí nghiệp sản xuất vỏ bao xi măng	62.183.517	62.183.517
Công trình Kho chứa xi măng Hòa Cầm	19.222.909	19.222.909
Công trình Kho vật liệu xây dựng Hòa Châu	53.090.000	53.090.000
	134.496.426	134.496.426

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	539.112.978	317.746.182
Số tăng trong năm	322.721.073	534.862.630
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(541.774.572)	(313.495.834)
Số nợ cuối năm	320.059.479	539.112.978
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	320.059.479	539.112.978
	320.059.479	539.112.978

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	112.170.050	24.346.725.050
Vay đối tượng khác	112.170.050	24.346.725.050
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	-	20.000.000.000
- Vay Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	-	4.234.555.000
- Vay Hội hưu trí công ty (*)	100.000.000	100.000.000
- Vay không rõ đối tượng	12.170.050	12.170.050
	112.170.050	24.346.725.050

(*): Khoản vay hội hưu trí Công ty không có hợp đồng nên không có thông tin về mục đích, thời hạn và lãi suất vay.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	762.137.598	548.234.296
Thuế thu nhập cá nhân	-	544.688
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	185.816.400
Các loại thuế khác	1.424.150	1.424.150
	763.561.748	736.019.534

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí vận chuyển	488.159.793	470.444.179
Trích trước chi phí bốc xếp	512.298.925	499.328.605
Trích trước chi phí lãi vay	-	12.208.219
Trích trước phí tư vấn vay vốn CFC	308.990.000	-
Trích trước chi phí chiết khấu cho khách hàng	205.117.954	339.831.539
Trích trước chi phí phải trả khác	210.000.000	194.787.960
	1.724.566.672	1.516.600.502

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	51.839.450	43.828.302
Bảo hiểm xã hội	204.842.357	235.218.299
Bảo hiểm y tế	(74.480.244)	53.363.943
Bảo hiểm thất nghiệp	(32.969.710)	7.639.637
Phải trả về cổ phần hóa	1.783.000	1.783.001
Các khoản phải trả phải nộp khác	3.390.876.042	3.558.706.001
- <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>152.753.949</i>	<i>152.753.949</i>
- <i>Phải trả tiền lãi ký cược cho Đại lý tiêu thụ xi măng</i>	<i>213.009.182</i>	<i>495.199.426</i>
- <i>Phải trả lãi vay về Tổng công ty xi măng Việt Nam</i>	<i>534.377.228</i>	<i>300.535.778</i>
- <i>Phải trả về chi phí tư vấn chuyển giao công nghệ</i>	<i>160.918.033</i>	<i>255.566.091</i>
- <i>Phải trả khác liên quan đến dự án xi măng Cam Ranh (*)</i>	<i>1.905.921.443</i>	<i>1.905.921.443</i>
- <i>Phải trả khác</i>	<i>423.896.207</i>	<i>448.729.314</i>
	3.541.890.895	3.900.539.183

(*) Thông tin Chi tiết xem tại Thuyết minh số 34.1 - Hoạt động chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư thuộc Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh.

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	365.312.314	116.853.028
	365.312.314	116.853.028

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	99.000.000.000	725.357.511	15.178.555.289	1.186.206.321	(17.350.220.475)	98.739.898.646
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4.534.635.040	4.534.635.040
Giảm khác	-	-	-	(267.910.037)	-	(267.910.037)
Số dư cuối năm trước	99.000.000.000	725.357.511	15.178.555.289	918.296.284	(12.815.585.435)	103.006.623.649
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	5.116.633.749	5.116.633.749
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(362.770.803)	(362.770.803)
Số dư cuối năm nay	99.000.000.000	725.357.511	15.178.555.289	918.296.284	(8.061.722.489)	107.760.486.595

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 567/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 để bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền là: 362.770.083 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	Tỷ lệ	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam	65.147.000.000	65,81%	65.147.000.000	65,81%
Vốn góp của các đối tượng khác:	33.853.000.000	34,19%	33.853.000.000	34,19%
	99.000.000.000	100,00%	99.000.000.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	99.000.000.000	99.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	99.000.000.000	99.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.900.000	9.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.900.000	9.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.900.000	9.900.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.900.000	9.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.900.000	9.900.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu):	10.000	10.000

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	15.178.555.289	15.178.555.289
- Quỹ dự phòng tài chính	918.296.284	918.296.284

19. VẬT TƯ, HÀNG HÓA NHẬN GIỮ HỘ, NHẬN GIA CÔNG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vật tư giữ hộ Hợp tác xã Cổ phần Việt Nhật	339.200.000	-
	339.200.000	-

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	596.627.311.818	626.830.189.947
- <i>Doanh thu bán xi măng</i>	509.095.806.719	462.803.328.082
- <i>Doanh thu bán vò bao xi măng</i>	160.918.033.289	142.822.453.132
- <i>Doanh thu bán gạch, ngói</i>	26.613.471.810	21.204.408.733
Doanh thu hoạt động khác	1.199.456.060	1.740.626.361
	697.826.767.878	628.570.816.308

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	7.100.542.398	5.800.616.672
Giảm giá hàng bán	2.797.430	-
	7.103.339.828	5.800.616.672

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	639.523.971.990	621.029.573.275
- <i>Doanh thu thuần bán xi măng</i>	501.992.466.891	457.002.711.410
- <i>Doanh thu thuần bán vò bao xi măng</i>	160.918.033.289	142.822.453.132
- <i>Doanh thu thuần bán gạch, ngói</i>	26.613.471.810	21.204.408.733
Doanh thu thuần hoạt động khác	1.199.456.060	1.740.626.361
	690.723.428.050	622.770.199.636

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	672.462.543.029	609.000.443.407
- <i>Giá vốn bán xi măng</i>	503.329.572.806	457.155.309.833
- <i>Giá vốn bán vò bao xi măng</i>	147.636.471.480	131.764.353.704
- <i>Giá vốn bán gạch, ngói</i>	21.496.498.743	20.080.779.870
Giá vốn hoạt động khác	585.756.252	1.079.105.033
	673.048.299.281	610.079.548.440

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.676.202.733	1.917.292.690
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	372.853
	1.676.202.733	1.917.665.543

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	318.452.453	1.220.736.997
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	48.055.059
Lãi tiền ký cược phải trả cho Đại lý	585.713.000	-
Phí tư vấn vay vốn CFC	308.990.000	-
	1.213.155.453	1.268.792.056

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	383.919.300	48.786.550
Chi phí nhân công	6.618.263.291	6.405.083.567
Chi phí khấu hao tài sản cố định	542.324.942	610.883.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.563.616.496	4.044.783.070
Chi phí khác bằng tiền	1.827.914.788	1.321.777.798
	12.936.038.817	12.431.314.534

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	569.201.119	278.212.189
Chi phí nhân công	6.256.742.892	4.902.672.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.315.632	329.154.371
Thuế, phí, lệ phí	2.221.999.290	1.548.751.790
Chi phí dự phòng	1.655.310.400	138.207.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	413.407.414	744.041.781
Chi phí khác bằng tiền	4.796.286.202	3.579.919.656
	16.079.262.949	11.520.960.332

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập từ bán phế liệu	1.412.737.896	1.507.086.678
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	15.727.273	32.818.182
Thu tiền điện, nước	83.207.457	43.378.625
Thu nhập từ cho thuê kho, cửa hàng	1.607.708.974	861.302.725
Thu nhập từ tiền khuyến mại xi măng của nhà cung cấp	14.407.345.644	13.670.657.485
Thu nhập từ xử lý công nợ	-	1.049.497.546
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng	-	359.302.969
Thu nhập từ chuyển nhượng dự án Cam Ranh	-	477.981.239.681
Thu nhập khác	341.942.690	655.532.392
	17.868.669.934	496.160.816.283

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	32.818.182
Chi phí điện nước	71.534.586	41.443.997
Chi phí khuyến mại cho khách hàng	56.329.114	678.221.148
Chi phí phạt chậm nộp thuế	58.035.809	260.085.692
Chi phí chuyển nhượng dự án Cam Ranh	-	477.981.239.681
Chi phí khác	207.488.776	343.617.923
	393.388.285	479.337.426.623

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	6.598.155.932	6.210.639.477
Các khoản điều chỉnh tăng	136.035.809	493.751.125
- <i>Thù lao của Hội đồng quản trị</i>	<i>78.000.000</i>	<i>78.000.000</i>
- <i>Chi phí hao hụt nguyên vật liệu vượt định mức</i>		<i>138.440.933</i>
- <i>Tiền phạt chậm nộp thuế</i>	<i>58.035.809</i>	<i>260.085.692</i>
- <i>Chi phí không hợp lý khác</i>		<i>17.224.500</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(372.853)
- <i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	<i>(372.853)</i>
Thu nhập chịu thuế TNDN	6.734.191.741	6.704.017.749
- <i>Thu nhập chịu thuế TNDN theo thuế suất 25%</i>	-	<i>6.704.017.749</i>
- <i>Thu nhập chịu thuế TNDN theo thuế suất 22%</i>	<i>6.734.191.741</i>	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.481.522.183	1.676.004.437
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(1.208.809.598)	(2.825.966.982)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(392.640.346)	(58.847.053)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(119.927.761)	(1.208.809.598)

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.116.633.749	4.534.635.040
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.116.633.749	4.534.635.040
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.900.000	9.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	517	458

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.152.646.045	122.965.107.862
Chi phí nhân công	29.590.350.705	26.329.095.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.247.976.176	4.684.310.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.396.442.555	11.954.195.740
Chi phí khác bằng tiền	12.198.389.868	4.645.893.016
	197.585.805.349	170.578.602.909

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.159.978.676	-	27.867.824.060	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	82.458.852.430	(1.818.820.000)	101.462.231.637	(163.509.600)
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Cộng	126.618.831.106	(1.818.820.000)	149.330.055.697	(163.509.600)

	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	112.170.050	24.346.725.050
Phải trả người bán, phải trả khác	62.236.268.879	84.499.294.275
Chi phí phải trả	1.724.566.672	1.516.600.502
Cộng	64.073.005.601	110.362.619.827

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2014	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.159.978.676	-	-	24.159.978.676
Phải thu khách hàng, phải thu khác	80.640.032.430	-	-	80.640.032.430
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Cộng	124.800.011.106	-	-	124.800.011.106
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.867.824.060	-	-	27.867.824.060
Phải thu khách hàng, phải thu khác	101.298.722.037	-	-	101.298.722.037
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Cộng	149.166.546.097	-	-	149.166.546.097

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2014	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	112.170.050	-	-	112.170.050
Phải trả người bán, phải trả khác	61.870.956.565	365.312.314	-	62.236.268.879
Chi phí phải trả	1.724.566.672	-	-	1.724.566.672
Cộng	63.707.693.287	365.312.314	-	64.073.005.601
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	24.346.725.050	-	-	24.346.725.050
Phải trả người bán, phải trả khác	84.382.441.247	116.853.028	-	84.499.294.275
Chi phí phải trả	1.516.600.502	-	-	1.516.600.502
Cộng	110.245.766.799	116.853.028	-	110.362.619.827

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. THÔNG TIN KHÁC

34.1 Hoạt động chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư thuộc Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh

Thực hiện hợp đồng số 01-2011/HT1-ĐN ngày 23/01/2011, Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 01/07/2011 và Phụ lục Hợp đồng số 02 ngày 11/10/2012 được ký giữa Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 về việc chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư thuộc Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh từ Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng sang Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1:

- Ngày 20/06/2013, Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 đã ký Biên bản về việc bổ sung Biên bản bàn giao tài chính ngày 11/10/2012 về việc chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư thuộc Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh từ Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng sang Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1. Theo đó, thời điểm chốt số liệu tài chính để hiệu chỉnh và bàn giao là 24h ngày 18/08/2011. Giá trị tài sản bàn giao về nguồn vốn thực hiện tạm tính là: 477.981.239.681 đồng. Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng Dự án bằng không. Căn cứ Biên bản bàn giao, Công ty đã hạch toán chuyển giao một số đối tượng nợ phải trả cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 với tổng số tiền: 14.489.476.609 đồng. Tuy nhiên, việc chuyển giao nghĩa vụ nợ này (giữa Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 và các chủ nợ) chưa được lập thành biên bản và Phụ lục hợp đồng kèm theo. Đây là nguyên nhân lý giải cho việc sau ngày bàn giao, các nhà cung cấp vẫn ký biên bản đối chiếu công nợ với Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng theo số công nợ chưa bàn giao cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 (trừ Công ty Cổ phần Đô Thị Cam Ranh chưa có đối chiếu). Chi tiết số dư công nợ phải trả nhà cung cấp đã bàn giao cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 nhưng chưa có Biên bản bàn giao công nợ và Phụ lục hợp đồng ký ba bên như sau:

- + Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings: 10.118.307.093 đồng;
- + Liên danh Công ty TNHH Xây dựng Khánh Ninh và Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin Nha Trang, số tiền: 1.662.991.300 đồng;
- + Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh, số tiền: 252.174.000 đồng;
- + Công ty Cổ phần Lilama 5, số tiền: 2.456.004.216 đồng.

- Sau ngày ký biên bản bàn giao bổ sung (ngày 20/06/2013), Công ty cũng đang ghi nhận trên Báo cáo tài chính của mình phần chi phí đầu tư bổ sung và công nợ phải trả của Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh. Cụ thể: các chi phí đầu tư bổ sung liên quan đến dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh được Công ty theo dõi tại chi tiêu "Các khoản phải thu khác" (Mã số 135) với tổng số tiền: 34.568.260.856 đồng; các khoản phải thu nhà thầu liên quan đến Dự án được Công ty theo dõi tại chi tiêu "Trả trước cho người bán"(Mã số 132) với tổng số tiền tại 31/12/2014 và tại ngày 01/01/2014 lần lượt là 148.209.192 đồng và 403.209.192 đồng; các khoản công nợ phải trả liên quan đến Dự án được Công ty theo dõi tại chi tiêu "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác"(Mã số 319) với tổng số tiền: 1.905.921.443 đồng, tại chi tiêu "Phải trả cho người bán"(Mã số 312) với tổng số tiền tại ngày 31/12/2014 và ngày 01/01/2014 lần lượt là 26.601.570.611 đồng và 40.503.306.851 đồng. Chi tiết:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí đầu tư bổ sung liên quan đến Dự án sau ngày ký biên bản bàn giao 20/06/2013:		
- Chi phí đầu tư của nhà thầu Công ty Cổ phần Lilama 5	9.172.345.455	9.172.345.455
- Chi phí đầu tư của nhà thầu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5 Hải Phòng	4.380.928.318	4.380.928.318
- Chi phí đầu tư của nhà thầu Liên danh Công ty TNHH Xây dựng Khánh Ninh và Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin	1.109.850.908	1.193.399.090
- Chi phí đầu tư của nhà thầu Công ty TNHH MTV Xây lắp & VLXD V	17.228.038.763	17.258.912.399
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư phát triển Xi Măng	2.384.385.000	-
- Công ty CP Tư vấn và Kiểm định Xây dựng VN	12.920.221	-

- Chi phí đầu tư của nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	31.079.829	31.079.829
- Chi phí đầu tư của nhà thầu Chi phí Ban quản lý đến thời điểm bàn giao	127.073.362	127.073.362
- Phải thu Công ty Tư vấn Thiết kế Cảng về giá trị giảm theo Biên bản thanh tra xây dựng	121.639.000	121.639.000

34.568.260.856	32.285.377.453
-----------------------	-----------------------

31/12/2014	01/01/2014
VND	VND

Các khoản công nợ phải trả liên quan đến Dự án được Công ty theo dõi tại chỉ tiêu "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác"(Mã số 319):

- Phải trả về khối lượng cắt giảm quyết toán gói thầu số 5 - Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng	1.648.406.105	1.648.406.105
- Phải trả về thuế GTGT của nhà thầu đã hạch toán khấu trừ nhưng vẫn bàn giao	257.515.338	257.515.338

1.905.921.443	1.905.921.443
----------------------	----------------------

31/12/2014	01/01/2014
VND	VND

Các khoản công nợ phải trả liên quan đến Dự án được Công ty theo dõi tại chỉ tiêu "Trả trước cho người bán"(Mã số 132):

- Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	148.209.192	148.209.192
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư phát triển Xi Măng	-	255.000.000

148.209.192	403.209.192
--------------------	--------------------

31/12/2014	01/01/2014
VND	VND

Các khoản công nợ phải trả liên quan đến Dự án được Công ty theo dõi tại chỉ tiêu "Phải trả cho người bán"(Mã số 312):

- Công ty Cổ phần Lilama 5	5.656.590.800	12.697.117.660
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5 Hải Phòng	2.591.375.800	3.969.689.812
- Liên danh Công ty TNHH Xây dựng Khánh Ninh và Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin Nha Trang	588.817.800	1.312.739.000
- Liên danh Công ty TNHH MTV Xây lắp & VLXD V và Công ty Cổ phần Bạch Đằng 7	6.048.842.686	9.538.553.450
- Liên danh Công ty TNHH MTV Xây lắp & VLXD V và Công ty Cổ phần Cơ Khí Xây lắp Hóa Chất	4.443.795.800	7.963.703.628
- Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Vật tư	4.897.738.044	4.897.738.044
- Công ty CP Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Việt Nam	30.185.781	123.765.257
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư phát triển Xi Măng	2.344.223.900	-

26.601.570.611	40.503.306.851
-----------------------	-----------------------

Theo Biên bản họp ngày 01/07/2013 giữa Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 thì trên cơ sở đề nghị của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 sẽ phối hợp với Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng để xem xét và ký biên bản bàn giao bổ sung nếu có gói thầu nào đến thời điểm 24h00 ngày 18/08/2011 mà chưa có trong nội dung bàn giao của Biên bản bàn giao tài chính.

Hiện tại, Dự án Nhà máy Xi măng vẫn đang trong quá trình kiểm toán quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Do đó, Công ty tạm thời ghi nhận một phần tài sản và nợ phải trả còn lại của Dự án chưa được bàn giao trên Báo cáo tài chính

Số liệu bàn giao cuối cùng về Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh cũng như lãi hoặc lỗ từ hoạt động chuyển nhượng dự án này phụ thuộc vào kết quả kiểm toán quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Dự án này và sự chấp thuận cuối cùng của các bên liên quan đến Dự án bàn giao.

34.2 Thông tin về chủ trương sáp nhập Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 563/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/05/2013 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 567/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2014 của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng, Công ty đã thông qua chủ trương và ủy quyền cho Hội đồng quản trị của Công ty triển khai chủ trương sáp nhập Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.

35. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

VND

Bù trừ công nợ phải thu về tiền bán vỏ bao xi măng với công nợ phải trả về mua xi măng thương mại 52.172.649.965

36. TÀI SẢN VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Đơn vị đang có tranh chấp hợp đồng xây dựng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 5 Hải Phòng. Theo bản án số 01/2015/KDTM-ST ngày 04/02/2015 của tòa án nhân dân Quận Hải Châu- TP Hải Phòng. Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng buộc phải trả cho công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 5 Hải Phòng số tiền 4.795.253.373 đồng. Trong đó số tiền gốc là 2.591.375.800 đồng, số tiền phạt chậm thanh toán là 111.588.737 đồng, số tiền lãi phải trả do hành vi chậm thanh toán là 2.092.288.836 đồng. Ngoài ra Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 119.952.500 đồng. Hiện tại, Công ty đang chuẩn bị các thủ tục để kháng án cũng như làm thủ tục khởi kiện lại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 5 Hải Phòng. Các khoản lợi ích (nếu có) cũng như thiệt hại phát sinh từ vụ kiện sẽ được Công ty xác định và ghi nhận trên Báo cáo tài chính của mình sau khi có kết quả cuối cùng của toà phúc thẩm.

37. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Kinh doanh xi măng	Sản xuất vỏ bao xi măng	Sản xuất gạch, ngói	Khác	Tổng cộng toàn DN
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	501.992.466.891	160.918.033.289	26.613.471.810	1.199.456.060	690.723.428.050
Lợi nhuận gộp từ hoạt động KD	(1.337.105.915)	13.281.561.809	5.116.973.067	613.699.808	17.675.128.769
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	-	-
Tài sản bộ phận	172.249.606.458	59.972.758.119	15.269.996.508	-	247.492.361.085
Tổng tài sản	172.249.606.458	59.972.758.119	15.269.996.508	-	247.492.361.085
Nợ phải trả của các bộ phận	70.499.483.173	58.657.527.031	10.672.048.173	-	139.829.058.377
Tổng nợ phải trả	70.499.483.173	58.657.527.031	10.672.048.173	-	139.829.058.377

Theo khu vực địa lý:

Khu vực	Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh
	VND	VND	VND	VND
Khu vực Đà Nẵng	212.963.837.472	198.259.954.100	14.703.883.372	8.185.319.304
Khu vực Quảng Nam	27.281.356.210	21.496.498.743	5.784.857.467	1.008.836.853
Khu vực Quảng Ngãi	37.021.629.453	37.265.227.428	(243.597.975)	(1.768.377.186)
Khu vực Bình Định	138.121.073.133	139.029.893.577	(908.820.444)	(6.471.464.801)
Khu vực Phú Yên	21.593.976.455	21.736.062.285	(142.085.830)	(1.065.342.922)
Khu vực Khánh Hòa	159.257.398.066	160.305.293.046	(1.047.894.980)	(6.925.386.899)
Khu vực Đắk Lắk	94.484.157.261	95.105.851.922	(621.694.661)	(3.982.490.830)
	690.723.428.050	673.198.781.100	17.524.646.950	(11.018.906.481)

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty xi măng Hoàng Thạch	Cùng Công ty mẹ	8.728.645.450	8.210.400.000
Công ty xi măng Bim Sơn	Cùng Công ty mẹ	26.568.113.820	10.700.157.500
Công ty xi măng Hoàng Mai	Cùng Công ty mẹ	35.547.095.000	24.196.740.000
Công ty xi măng Hải Vân	Cùng Công ty mẹ	37.232.471.816	30.655.776.022
Công ty xi măng Hà Tiên 1	Cùng Công ty mẹ	23.606.229.060	46.402.283.770
Mua hàng			
Công ty xi măng Hoàng Thạch	Cùng Công ty mẹ	315.088.553.756	297.411.419.077
Công ty xi măng Bim Sơn	Cùng Công ty mẹ	76.950.711.762	39.170.329.151
Công ty xi măng Hoàng Mai	Cùng Công ty mẹ	5.205.731.822	20.682.914.676
Công ty xi măng Hải Vân	Cùng Công ty mẹ	7.337.885.144	6.461.228.072
Vay vốn			
Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Na	Công ty mẹ	-	4.234.555.000
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Cùng Công ty mẹ	-	20.000.000.000
Chi phí lãi vay			
Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	233.841.450	300.535.778
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Cùng Công ty mẹ	308.990.000	10.410.959
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:			
	Mối quan hệ	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Phải thu			
Công ty xi măng Hoàng Mai	Cùng Công ty mẹ	13.853.750.000	9.208.234.022
Công ty xi măng Hải Vân	Cùng Công ty mẹ	5.856.336.880	9.013.756.598
Công ty xi măng Hà Tiên 1	Cùng Công ty mẹ	604.175.600	20.644.357.327
Người mua trả tiền trước			
Công ty Xi măng Hà Tiên 1	Cùng Công ty mẹ	14.392.580.026	67.065.000
Phải trả người bán			
Công ty Xi măng Hoàng Thạch	Cùng Công ty mẹ	13.161.320.308	14.731.837.608
Công ty Xi măng Bim Sơn	Cùng Công ty mẹ	3.088.667.019	2.487.238.666
Trả trước cho người bán			
Công ty Xi măng Hải Vân	Cùng Công ty mẹ	199.961.148	30.012.000
Công ty Xi măng Hà Tiên 1	Cùng Công ty mẹ	-	759.205.990
Vốn vay			
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	-	4.234.555.000
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Cùng Công ty mẹ	-	20.000.000.000
Lãi vay phải trả			
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	534.377.228	300.535.778
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Cùng Công ty mẹ	308.990.000	10.410.959
Ký quỹ ngắn hạn			
Công ty xi măng Hoàng Mai	Cùng Công ty mẹ	1.400.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	657.629.000	611.649.000

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm	
			VND	VND
a/ Bảng cân đối kế toán				
Chỉ tiêu Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
Chỉ tiêu Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	20.000.000.000		-
c/ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Chỉ tiêu Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	35.738.668.614	55.738.668.614	

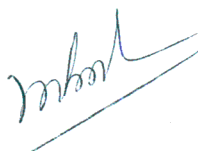
Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Giám đốc




Nguyễn Duy Diễn